



Trung tâm WTO và Hội nhập

Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam

HIỆP ĐỊNH ĐỐI TÁC TOÀN DIỆN VÀ TIẾN BỘ XUYÊN THÁI BÌNH DƯƠNG

Tóm tắt Chương 18 – Sở hữu trí tuệ

Chương này bao gồm các cam kết liên quan tới vấn đề bảo hộ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ, được xếp vào 04 nhóm sau:

- *Nhóm cam kết chung:* Nhóm này bao gồm các cam kết về việc gia nhập các Công ước về SHTT được liệt kê (Việt Nam được hưởng lộ trình 2-3 năm tùy Công ước); về các nguyên tắc chung như đối xử quốc gia, minh bạch; và về các vấn đề khác như hợp tác giữa các nước CPTPP trong bảo vệ quyền SHTT.
- *Nhóm các cam kết về các tiêu chuẩn bảo hộ các quyền sở hữu trí tuệ:* CPTPP bao gồm các cam kết về tiêu chuẩn bảo hộ đối với phần lớn các loại tài sản SHTT như nhãn hiệu thương mại, sáng chế, quyền tác giả, kiểu dáng công nghiệp, bí mật kinh doanh, chỉ dẫn địa lý. Các tiêu chuẩn của CPTPP dựa trên và trong nhiều trường hợp là cao hơn so với các tiêu chuẩn tương ứng của Hiệp định về các khía cạnh thương mại của quyền SHTT của WTO (TRIPS).
- *Nhóm các cam kết về một số sản phẩm SHTT đặc thù:* Bên cạnh các tiêu chuẩn chung đối với các nhóm tài sản SHTT, CPTPP còn bao gồm các cam kết riêng về một số loại sản phẩm SHTT đặc thù như dược phẩm, nông hóa phẩm, giống cây trồng, các vấn đề SHTT thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin (tín hiệu vệ tinh, các công cụ bảo mật, trách nhiệm của các nhà cung cấp dịch vụ mạng...).

- *Nhóm các cam kết liên quan tới việc thực thi các quyền SHTT*: Nhóm này bao gồm các cam kết tăng cường mức độ hiệu quả thực thi và bảo hộ các quyền SHTT và xử lý nghiêm khắc hơn các vi phạm quyền SHTT.

Sau đây là tóm tắt một số nhóm cam kết đáng chú ý về SHTT trong CPTPP

1. Các cam kết về tiêu chuẩn bảo hộ các quyền ở hữu trí tuệ

Nhãn hiệu thương mại (trade mark)

Các cam kết trong CPTPP về nhãn hiệu thương mại (tương đương với nhãn hiệu, tên thương mại theo pháp luật Việt Nam) tập trung vào các khía cạnh sau đây:

- *Đối tượng được bảo hộ*: Ngoài các đối tượng truyền thống mà pháp luật Việt Nam đang bảo hộ (như chữ, ký hiệu, từ ngữ, hình ảnh), CPTPP còn mở rộng ra cả *âm thanh*, và khuyến khích các nước bảo hộ cả *mùi*; đối với tất cả các đối tượng được bảo hộ, không bắt buộc phải “nhìn thấy được”. Về việc phải bảo hộ nhãn hiệu thương mại dưới hình thức âm thanh, Việt Nam chỉ phải thực hiện nghĩa vụ này sau 3 năm kể từ ngày CPTPP có hiệu lực.

Đối với trường hợp *nhãn hiệu nổi tiếng*, CPTPP yêu cầu các nước không được lấy tiêu chí số lượng các quốc gia đã bảo hộ nhãn hiệu, đã công nhận nhãn hiệu nổi tiếng hoặc đã nằm trong danh mục nhãn hiệu nổi tiếng để quyết định bảo hộ nhãn hiệu nổi tiếng. Pháp luật Việt Nam hiện vẫn còn một số tiêu chí dạng này, và vì vậy sẽ phải điều chỉnh cho phù hợp.

- *Thời gian bảo hộ*: CPTPP yêu cầu các nước Thành viên phải bảo hộ nhãn hiệu thương mại tối thiểu là 10 năm, và có thể được gia hạn nhiều lần, tương tự như pháp luật Việt Nam hiện hành;
- *Quyền của chủ sở hữu*: Chủ thể này có đặc quyền ngăn cản các chủ thể khác sử dụng các dấu hiệu (bao gồm cả chỉ dẫn địa lý có sau) giống hệt hoặc tương tự cho các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ cùng loại hoặc gần với loại hàng hóa, dịch vụ đã đăng ký nhãn hiệu của mình nếu việc sử dụng này có thể gây ra nhầm lẫn (dấu hiệu trùng được suy đoán đương nhiên là “có thể gây nhầm lẫn”). Tuy nhiên,

CPTPP vẫn cho phép việc các chủ thể khác sử dụng các thuật ngữ mô tả có trong nhãn hiệu đã được bảo hộ nếu việc sử dụng đó là ngay tình, và có tính đến lợi ích của chủ nhãn hiệu và các bên thứ ba;

- *Cải cách thủ tục hành chính*: CPTPP yêu cầu các nước Thành viên phải áp dụng các biện pháp cụ thể để đảm bảo thủ tục hành chính ngắn gọn, minh bạch trong đăng ký, gia hạn nhãn hiệu thương mại, đảm bảo cơ hội phản hồi của người nộp đơn cũng như cơ hội phản đối của các bên thứ ba, đồng thời khuyến khích các nước sử dụng hệ thống đăng ký nhãn hiệu thương mại điện tử để minh bạch hóa các quy trình này;
- *Đối với Tên miền cao cấp mã quốc gia (ccTLD)*: CPTPP yêu cầu các nước thành viên phải thực hiện các biện pháp nhất định như quy định cơ chế giải quyết tranh chấp (theo nguyên tắc của ICANN hoặc tương tự); phải có biện pháp xử lý các chủ thể đăng ký hoặc nắm giữ tên miền tương tự hoặc gần giống đến mức gây nhầm lẫn với một nhãn hiệu nhằm mục đích thu lợi.

Chỉ dẫn địa lý

CPTPP quy định các nước được quyền lựa chọn cơ chế bảo hộ đối với chỉ dẫn địa lý, hoặc là theo cơ chế riêng chỉ áp dụng cho chỉ dẫn địa lý, hoặc là theo cơ chế chung với nhãn hiệu thương mại.

Điều này có nghĩa là các nước như Việt Nam sẽ vẫn được tiếp tục sử dụng hệ thống bảo hộ chỉ dẫn địa lý của mình (độc lập với bảo hộ về nhãn hiệu thương mại). Đây được xem là giải pháp hợp lý với Việt Nam bởi Việt Nam đang và sẽ đồng thời có cam kết về chỉ dẫn địa lý với các đối tác sử dụng các cơ chế khác nhau (ví dụ EU bảo hộ chỉ dẫn địa lý riêng, không theo cơ chế nhãn hiệu thương mại).

Tuy nhiên, dù theo cơ chế bảo hộ chỉ dẫn địa lý nào, các nước CPTPP vẫn phải tuân thủ các nghĩa vụ nhất định, ví dụ:

- Bảo đảm minh bạch, cải cách trong thủ tục hành chính liên quan tới việc bảo hộ hoặc công nhận các chỉ dẫn địa lý;

- Căn cứ để phản đối hoặc từ chối bảo hộ/công nhận một chỉ dẫn địa lý phải bao gồm các trường hợp gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu thương mại đã hoặc đang xem xét đơn đăng ký trước đó hoặc trùng với tên chung để chỉ một loại hàng hóa trong ngôn ngữ của nước thành viên đó (riêng với rượu vang/rượu mạnh thì tên trùng với một loại nho trong ngôn ngữ của nước đó);
- Thời điểm bắt đầu bảo hộ không được sớm hơn ngày nộp đơn đăng ký hoặc ngày được đăng ký.

Về quan hệ giữa chỉ dẫn địa lý và nhãn hiệu, trong trường hợp có nhãn hiệu trùng hoặc tương tự với một chỉ dẫn địa lý mà nhãn hiệu lại được bảo hộ trước (đã đăng ký trước hoặc đã trở nên nổi tiếng trước), mặc dù chỉ dẫn địa lý vẫn được bảo hộ nhưng quyền của chủ nhãn hiệu sẽ được ưu tiên hơn, theo hướng:

- Chủ sở hữu nhãn hiệu có quyền ngăn cấm việc sử dụng chỉ dẫn địa lý đó nếu việc sử dụng này có khả năng gây ra nhầm lẫn về nguồn gốc thương mại của hàng hóa; Tuy nhiên, chỉ dẫn địa lý chỉ có ý nghĩa mô tả xuất xứ của hàng hóa thì được xem là ngoại lệ, vẫn được phép sử dụng song song cùng nhãn hiệu đó;
- Không bảo hộ chỉ dẫn địa lý nếu có khả năng gây nhầm lẫn với nhãn hiệu về nguồn gốc thương mại của hàng hóa (trừ khi việc sử dụng chỉ dẫn địa lý đó thuộc trường hợp ngoại lệ đối với quyền của nhãn hiệu).

Sáng chế

(i) *Tiêu chí bảo hộ*

- Tất cả các sáng tạo, dù là sản phẩm hay quy trình, trong tất cả các lĩnh vực, nếu *mới, có tính sáng tạo* và *có khả năng áp dụng công nghiệp* thì đều có thể được bảo hộ dưới dạng sáng chế. Thực chất cam kết này nhắc lại quy định của Hiệp định TRIPS của WTO.
- Có yêu cầu về “ân hận” cho tiêu chí về *tính mới*, theo đó các nước thành viên cam kết phải bảo hộ cho sáng tạo đã công bố công khai (tức là không còn tính mới) nếu việc công bố đó là do chính chủ thể nộp đơn xin bảo hộ thực hiện hoặc nếu là do

người khác thì người đó đã lấy thông tin công bố từ chính chủ thể nộp đơn, và nếu việc công bố đó thực hiện trong vòng 12 tháng liền trước thời điểm nộp đơn đăng ký (gọi là “giai đoạn ân hạn” cho tính “mới” của sáng chế).

(ii) Về phạm vi các đối tượng có thể được bảo hộ

- *Các đối tượng bị loại trừ khỏi phạm vi bảo hộ*: các phương pháp phòng ngừa, chẩn đoán, chữa bệnh cho người và động vật; động vật không phải vi sinh vật, quy trình sản xuất động thực vật trừ quy trình sinh học hoặc vi sinh. Đây cũng là các quy định đã có trong Hiệp định TRIPS của WTO.
- *Ngoại lệ trong bảo hộ*: một nước Thành viên có thể loại trừ khỏi phạm vi bảo hộ các đối tượng nhất định nếu việc ngăn chặn khai thác thương mại trên lãnh thổ nước mình các đối tượng này là cần thiết để bảo vệ trật tự công cộng hoặc đạo đức, bao gồm cả việc bảo vệ sức khỏe, tính mạng động thực vật hoặc để tránh những thiệt hại đáng kể đối với thiên nhiên, môi trường.

Đây cũng là ngoại lệ đã được nêu trong Hiệp định TRIPS của WTO. Như vậy, trong các trường hợp cần thiết vì lợi ích công cộng, Việt Nam vẫn có thể sử dụng ngoại lệ này để từ chối bảo hộ một hoặc một số đối tượng nhất định.

(i) Các ngoại lệ đối với quyền của chủ sáng chế

CPTPP khẳng định các ngoại lệ đối với quyền của chủ sáng chế (cho phép hạn chế quyền của chủ sở hữu sáng chế) theo Hiệp định TRIPS của WTO, bao gồm:

- *Hạn chế vì lợi ích công cộng*:

Các nước được hạn chế quyền độc quyền của chủ sở hữu trong một số trường hợp nhất định nếu hạn chế đó không mâu thuẫn một cách bất hợp lý với quá trình khai thác bình thường của sáng chế và không gây thiệt hại bất hợp lý cho lợi ích của chủ sở hữu, có tính đến lợi ích hợp pháp của các bên thứ ba;

- *Quyền sử dụng không cần xin phép chủ sở hữu:*

Các nước có thể cho phép các chủ thể khác sử dụng sáng chế mà không có sự đồng ý của chủ sở hữu theo các điều kiện nhất định (ví dụ Nhà nước chỉ cho phép việc sử dụng này theo từng trường hợp; và nếu người xin phép trước đó đã cố gắng đàm phán với chủ sở hữu theo giá thị trường nhưng không thành công; nếu phạm vi và thời gian sử dụng không vượt quá mục tiêu được cho phép; nếu không chuyển tiếp quyền cho chủ thể khác; và chủ sở hữu phải được hưởng đền bù tính theo giá trị kinh tế...).

(ii) Các yêu cầu của CPTPP về thủ tục đăng ký sáng chế?

- Trường hợp có nhiều chủ thể độc lập tạo ra cùng một sáng chế thì tiêu chí áp dụng là “ai tới trước được cấp trước”;
- Phải công bố công khai các đơn đăng ký bảo hộ trong vòng 18 tháng kể từ ngày nộp đơn, bao gồm cả việc công bố chi tiết các kết quả nghiên cứu – thử nghiệm; các thông tin khác không mật mà chủ thể đăng ký đã nộp; các trích dẫn chi tiết về tuyên bố của người nộp đơn và các bên thứ ba về các nội dung bảo hộ, không bảo hộ...
- Các căn cứ để hủy, rút lại hoặc vô hiệu một bằng sáng chế đã cấp phải đồng thời là các căn cứ để từ chối cấp bằng sáng chế

Quyền tác giả và các quyền liên quan

CPTPP có một số cam kết đáng chú ý về quyền tác giả và quyền liên quan:

- Bảo hộ quyền bảo hộ quyền độc quyền của tác giả, người biểu diễn, người sản xuất (tạm gọi chung là chủ sở hữu) trong việc cho phép hoặc cấm sao chép, truyền đạt tới công chúng, phân phối và phát sóng các tác phẩm của mình.
- Quyền được bảo hộ của các chủ thể này đối với cùng một tác phẩm là ngang nhau, không ai được ưu tiên hơn ai. Như vậy, trường hợp một tác phẩm thuộc quyền của cả tác giả, người biểu diễn và nhà sản xuất bản ghi âm/ghi hình thì

việc sử dụng tác phẩm này có thể phải được sự cho phép của tất cả các chủ thể này.

- Các nước Thành viên phải đảm bảo một sự cân đối nhất định giữa quyền của chủ sở hữu với các mục tiêu công cộng khác (thông qua các ngoại lệ). Vì vậy, các ngoại lệ đối với các quyền tác giả và quyền liên quan có thể được áp dụng theo cách thức và điều kiện thích hợp (ví dụ sử dụng một phần hoặc toàn bộ tác phẩm nhằm phục vụ cho các hoạt động như phân tích, bình luận, báo cáo, giảng dạy, nghiên cứu, tạo điều kiện để người khuyết tật tiếp cận tác phẩm...).

Kiểu dáng công nghiệp

CPTPP có một số cam kết đáng chú ý về bảo hộ kiểu dáng công nghiệp:

- Yêu cầu các nước Thành viên phải bảo hộ đầy đủ và hiệu quả kiểu dáng công nghiệp, bao gồm cả các kiểu dáng được thể hiện ở một phần của sản phẩm hoặc một phần của một sản phẩm nằm trong tổng thể toàn bộ sản phẩm, nhưng vẫn đảm bảo tuân thủ quy định của WTO về vấn đề này.
- Khuyến khích các nỗ lực tăng cường bảo hộ kiểu dáng công nghiệp và cải thiện chất lượng và hiệu quả của cơ chế đăng ký bảo hộ kiểu dáng công nghiệp.

2. Nhóm các cam kết về SHTT đối với một số nhóm sản phẩm đặc thù

Nông hóa phẩm

Cam kết đặc thù nhất về SHTT trong CPTPP đối với nông hóa phẩm (tức là sản phẩm hóa chất trong nông nghiệp, ví dụ phân bón, thuốc bảo vệ thực vật...) là cam kết về thời hạn bảo hộ đối với Kết quả thử nghiệm và các dữ liệu khác về tính an toàn/hiệu quả của nông hóa phẩm chưa công khai – còn gọi là “Độc quyền dữ liệu”.

Cụ thể, cam kết này bao gồm các nội dung cơ bản sau:

- Nếu chủ thể nộp đơn xin Giấy phép lưu hành cho một nông hóa phẩm mới phải cung cấp các kết quả thử nghiệm hoặc dữ liệu khác chưa công bố về mức độ an

- toàn và hiệu quả của sản phẩm đó cho Cơ quan cấp phép thì Cơ quan này sẽ không được dựa trên các thông tin hoặc Giấy phép lưu hành này để cho phép chủ thể khác lưu hành cùng sản phẩm hoặc sản phẩm tương tự trong ít nhất là 10 năm trừ khi được chủ thể này đồng ý (nghĩa vụ non-reliance);
- Quy định tương tự đối với trường hợp cho phép lưu hành dựa trên việc nộp bằng chứng về việc đã được cấp phép lưu hành trên thị trường nước ngoài, thời hạn bảo hộ là 10 năm kể từ ngày cấp phép lưu hành mới.

Liên quan tới việc thực thi nghĩa vụ này, trong khuôn khổ CPTPP, Việt Nam đã đạt được thỏa thuận với các nước thành viên CPTPP (thể hiện trong các Thư song phương) theo đó các nước chấp nhận không kiện Việt Nam ra cơ chế giải quyết tranh chấp của CPTPP trong vòng 05 năm sau năm thứ 5 kể từ khi Hiệp định CPTPP có hiệu lực. Nói cách khác Việt Nam có 10 năm để chuẩn bị cho việc thực thi nghĩa vụ này

Dược phẩm

CPTPP yêu cầu Cơ quan cấp phép lưu hành dược phẩm của các nước CPTPP, trước khi cấp phép lưu hành cho một dược phẩm dựa trên các dữ liệu thử nghiệm đã được xuất trình trước đó cho Cơ quan này, thì phải:

- Hoặc là có cơ chế để thông báo điều này cho chủ sở hữu bằng sáng chế (bao gồm cả chủ thể được chuyển giao hợp pháp bằng sáng chế hoặc chủ thể hợp pháp của giấy phép lưu hành) để họ biết mà tự bảo vệ quyền; dành thời gian và cơ hội hợp lý để chủ sở hữu bằng sáng chế thực hiện các hành động bảo vệ quyền; và nếu sản phẩm đang xin phép lưu hành bị nghi là có vi phạm độc quyền sáng chế thì phải dành cho chủ sở hữu cơ hội và thời gian hợp lý để yêu cầu bồi thường cũng như có cơ chế hành chính hoặc tố tụng để giải quyết các yêu cầu bồi thường này;
- Hoặc là phải thiết lập hoặc duy trì một cơ chế ngoài Tòa án cho phép loại trừ việc lưu hành dược phẩm nếu không được sự đồng ý của chủ sáng chế (cơ chế

này có phối hợp giữa cơ quan bảo hộ sáng chế với cơ quan đăng ký lưu hành và thông tin liên quan từ các cơ quan này).

Ngoài ra, trong khuôn khổ CPTPP, Việt Nam đã đạt được thỏa thuận với 10 nước CPTPP thông qua Thư song phương về bảo lưu các biện pháp liên quan tới việc lưu hành một số dược phẩm nhất định, theo đó Việt Nam có quyền ban hành các điều kiện, giới hạn hoặc ngoại lệ của riêng mình trong quá trình thực thi.

3. Nhóm các cam kết về thực thi bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ

CPTPP đặt ra các yêu cầu mới, chi tiết về 05 nhóm vấn đề liên quan tới thực thi bảo hộ quyền SHTT so với WTO, đáng chú ý có các cam kết sau:

Các cam kết về nguyên tắc chung liên quan tới thực thi quyền SHTT

Nhóm này bao gồm các nguyên tắc chung liên quan tới việc thực thi như phải thiết lập hệ thống pháp luật về các biện pháp xử lý các hành vi vi phạm SHTT hay phải đảm bảo triển khai các biện pháp thực thi một cách công bằng, thủ tục đơn giản, nhanh chóng, ít tốn kém, không tạo ra rào cản đối với thương mại và có cách thức để hạn chế lạm dụng.

Tuy nhiên, các nước CPTPP vẫn có quyền tự chủ trong việc xác định cách thức thực hiện các biện pháp thực thi và bảo hộ quyền SHTT này (theo hệ thống riêng hay dùng hệ thống tổ tụng chung).

Các cam kết cụ thể liên quan thủ tục thực thi quyền SHTT

Nhóm này bao gồm các cam kết liên quan tới một số vấn đề cụ thể trong thực thi bảo hộ quyền SHTT, ví dụ:

- Yêu cầu chung về công khai, minh bạch:

CPTPP yêu cầu rằng các phán quyết/quyết định thực thi về SHTT có giá trị áp dụng chung phải bằng văn bản, nêu rõ các căn cứ thực tế và lập luận pháp lý, phải được công khai cho công chúng...

- **Các biện pháp thực thi SHTT tại biên giới**

Các biện pháp thực thi tại biên giới trong CPTPP ràng buộc trách nhiệm của Nhà nước và chủ thể quyền trong hành động bảo vệ nhãn hiệu thương mại, quyền tác giả và các quyền liên quan tại biên giới, bao gồm:

+ Phải cho phép các chủ thể quyền được yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tại biên giới (ví dụ cơ quan hải quan) dừng thông quan, thu giữ sản phẩm nghi ngờ vi phạm và phải có thủ tục với thời hạn hợp lý để cơ quan có thẩm quyền xem xét xác định hàng hóa bị nghi ngờ có thực sự vi phạm SHTT không;

+ Chủ thể yêu cầu đình chỉ thông quan hoặc thu giữ sản phẩm nghi ngờ vi phạm phải cung cấp bằng chứng chứng minh thích hợp và các thông tin mà chủ thể này phải biết để giúp cơ quan có thẩm quyền xác định/nhận diện được sản phẩm vi phạm, phải nộp một khoản tiền bảo đảm/bảo chứng đủ để bảo vệ bên bị ngăn chặn và cơ quan có thẩm quyền...;

+ Các cơ quan có thẩm quyền tại biên giới phải có thẩm quyền tự khởi xướng các biện pháp thực thi tại biên giới đối với hàng hóa nhập khẩu (không có lộ trình riêng cho Việt Nam), hàng hóa xuất khẩu (lộ trình thực hiện của Việt Nam là 3 năm), hàng hóa quá cảnh (lộ trình 2 năm) nghi ngờ có vi phạm; quyền ra kết luận vi phạm và xử lý tiêu hủy sản phẩm vi phạm kể cả đối với các lô hàng nhỏ (chỉ không bắt buộc đối với trường hợp hành lý phi thương mại của hành khách).

- **Yêu cầu về biện pháp xử lý vi phạm theo thủ tục dân sự/hành chính:**

CPTPP quy định một số các nguyên tắc cụ thể liên quan tới thủ tục tố tụng hành chính hoặc tư pháp để bảo vệ quyền SHTT. Ví dụ:

+ Chủ sở hữu quyền phải được phép kiện ra Tòa để yêu cầu thi hành các quyền SHTT

+ Các Tòa án phải có quyền yêu cầu chủ thể bị cáo buộc vi phạm phải cung cấp thông tin/bằng chứng vi phạm mà họ đang kiểm soát cho chủ thể quyền hoặc Tòa án; quyền ban hành các lệnh áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời để ngăn chặn hàng hóa

vi phạm SHTT đưa vào lưu thông thương mại và quyết định buộc bồi thường thiệt hại cho chủ sở hữu...;

+ Phải có những quy định cụ thể liên quan tới việc bồi thường thiệt hại cho chủ sở hữu quyền (cách thức xác định các mức bồi thường, các hình thức bồi thường có thể áp dụng...)

+ Phải tuân thủ một số quy tắc tổ tụng dân sự/hành chính riêng đối với nhãn hiệu thương mại, quyền tác giả và các quyền liên quan, ví dụ: *quy tắc suy đoán về quyền* (người có tên trên sản phẩm được suy đoán là chủ sở hữu quyền tác giả và quyền liên quan; nhãn hiệu thương mại đã đăng ký được suy đoán là có giá trị pháp lý...); *quy tắc về tính toán mức thiệt hại* phải bồi thường (trong đó đáng chú ý là mức bồi thường phải bao gồm cả lợi nhuận mà bên vi phạm thu được từ việc vi phạm); *quy tắc bắt buộc tiêu hủy sản phẩm vi phạm* mà không có bồi thường nếu chủ sở hữu quyền có yêu cầu....

- ***Các biện pháp xử lý vi phạm theo thủ tục hình sự***

CPTPP đưa ra các yêu cầu cụ thể về các trường hợp vi phạm SHTT bắt buộc phải xử lý hình sự cùng với các điều kiện kèm theo. Đây là cam kết được coi là có tính cứng rắn nhất nhằm thực thi bảo hộ các quyền SHTT trong các FTA từ trước tới nay.

4. Về các cam kết xử lý hình sự đối với vi phạm quyền SHTT?

CPTPP đặt ra yêu cầu bắt buộc phải xử lý hình sự đối với một số các dạng vi phạm quyền SHTT, chủ yếu tập trung vào các vi phạm đối với *nhãn hiệu thương mại, bí mật thương mại, quyền tác giả và quyền liên quan*, cụ thể:

(i) ***Phạm vi các hành vi bị xử lý hình sự:***

Các tội hình sự không chỉ áp dụng trực tiếp cho chủ thể thực hiện *hành vi vi phạm* (ví dụ làm hàng giả hàng nhái, công bố tác phẩm khi chưa được phép của tác giả...) mà còn áp dụng cả với *các hành vi liên quan/thúc đẩy việc vi phạm* (ví dụ hành vi nhập khẩu, xuất khẩu, phân phối, quảng cáo, bán... các sản phẩm vi phạm SHTT).

(ii) Điều kiện xử lý hình sự (yếu tố cấu thành tội phạm):

Khác với hiện hành, không chỉ các hành vi vi phạm SHTT nghiêm trọng, cố ý, ở quy mô thương mại hoặc nhằm mục đích lợi nhuận mới bị xử lý hình sự, trong một số trường hợp CPTPP đòi hỏi các nước phải xử lý hình sự cả các vi phạm không vì lợi ích thương mại/tài chính nhưng gây thiệt hại nghiêm trọng đến lợi ích của chủ sở hữu quyền.

(iii) Nguyên tắc xử lý

CPTPP đặt ra một số yêu cầu riêng theo hướng cho phép xử lý và áp tội hình sự nhanh và triệt để với các hành vi vi phạm, trong đó có các nguyên tắc:

- *Xử lý mặc nhiên*: Truy cứu trách nhiệm hình sự không cần yêu cầu của người bị hại;
- *Xử lý tang vật*: CPTPP có yêu cầu rất chi tiết về việc xử lý hàng hóa xâm phạm quyền SHTT, nguyên liệu, phương tiện đã dùng chủ yếu để sản xuất hàng hóa xâm phạm quyền SHTT, tài sản có được do xâm phạm quyền SHTT (trong đó đáng kể là các biện pháp tịch thu, tiêu hủy);
- *Cung cấp bằng chứng trong quá trình xử lý*: Cơ quan có thẩm quyền phải được trao quyền cung cấp hoặc được phép tiếp cận hàng hóa xâm phạm, nguyên liệu, phương tiện đã dùng chủ yếu để sản xuất hàng hóa xâm phạm và các chứng cứ khác để chủ sở hữu có thể kiện dân sự.

(iv) Biện pháp xử lý hình sự:

CPTPP yêu cầu biện pháp xử lý hình sự phải bao gồm cả *phạt tù* và *phạt tiền* ở mức đủ lớn để ngăn chặn hành vi vi phạm trong tương lai và biện pháp tiêu hủy các sản phẩm vi phạm. CPTPP cũng có các quy định chi tiết về cách thức cân nhắc về mức độ xử lý đối với các hành vi này.

Đối với một vài nghĩa vụ trong số này, Việt Nam chỉ phải thực hiện đầy đủ sau 3 năm kể từ ngày CPTPP có hiệu lực.

Một số nhóm hành vi vi phạm quyền SHTT có thể bị xử lý hình sự theo CPTPP

1. Hành vi xâm phạm bí mật thương mại

CPTPP buộc các nước phải xử lý hình sự ít nhất một trong ba hành vi:

- Cố ý tiếp cận trái phép bí mật thương mại trên hệ thống máy tính;
- Cố ý chiếm đoạt trái phép bí mật thương mại;
- Cố ý bộc lộ trái phép bí mật thương mại

Điều kiện để xử lý hình sự các hành vi này chỉ cần là một trong các trường hợp sau:

- Hành vi nhằm tạo ra lợi thế thương mại hoặc thu được lợi ích tài chính;
- Hành vi liên quan đến sản phẩm dịch vụ thương mại quốc gia hoặc quốc tế (quy mô);
- Hành vi cố ý nhằm gây thiệt hại cho chủ sở hữu;
- Hành vi liên quan đến chủ thể kinh tế của nước ngoài;
- Hành vi gây tổn hại đến lợi ích kinh tế, quan hệ quốc tế hoặc quốc phòng hoặc an ninh quốc gia của Nhà nước

2. Hành vi xâm phạm quyền tác giả và quyền liên quan

CPTPP buộc các nước phải xử lý hình sự với các hành vi sau đây:

- Hành vi cố ý nhập khẩu hoặc xuất khẩu hàng giả mạo nhãn hiệu và hàng sao lậu quyền tác giả và quyền liên quan ở quy mô thương mại (nhằm mục đích thu lợi nhuận, đạt được lợi thế thương mại hoặc gây thiệt hại đáng kể cho chủ thể quyền trên thị trường);
- Hành vi cố ý nhập khẩu hoặc xuất khẩu hàng hoá giả mạo nhãn hiệu

hoặc hàng sao lậu quyền tác giả ở quy mô thương mại;

- Hành vi cố ý nhập khẩu và sử dụng trong thị trường nội địa trong hoạt động thương mại và ở quy mô thương mại nhãn mác hoặc bao gói sản phẩm gắn nhãn hiệu không được phép, trùng hoặc gây nhầm lẫn để sử dụng (trong thương mại) cho hàng hóa/dịch vụ trùng với hàng hóa/dịch vụ đã đăng ký nhãn hiệu;
- Hành vi sao chép trái phép (quay lại) phim trong rạp nếu gây thiệt hại đáng kể trên thị trường cho chủ thể quyền.
- Hành vi giúp sức hoặc xúi giục các hành vi nói trên.

5. Các biện pháp thực thi đối với một số quyền SHTT trong lĩnh vực phần mềm, chương trình vệ tinh, môi trường mạng?

CPTPP giữ nguyên phần lớn các cam kết TPP về thực thi bảo hộ quyền SHTT đối với một số loại sản phẩm phần mềm, chương trình vệ tinh hoặc các vi phạm trên môi trường mạng.

Cụ thể, CPTPP yêu cầu các nước Thành viên:

- Phải xử lý hình sự đối với một số hình thức vi phạm về bí mật thương mại (thông qua hệ thống máy tính).
- Về trách nhiệm của các nhà cung cấp dịch vụ Internet: một số quy định cụ thể về trách nhiệm của các nhà cung cấp dịch vụ Internet liên quan tới các tác phẩm vi phạm SHTT trên Internet, trong đó đặc biệt nhấn mạnh nghĩa vụ của các nhà cung cấp dịch vụ Internet phải nhanh chóng gỡ bỏ hoặc dừng cho truy cập vào các dữ liệu được lưu trữ trong hệ thống của mình ngay khi biết là dữ liệu đó vi phạm SHTT rõ ràng (ví dụ khi nhận được thông báo của chủ sở hữu quyền).

Theo yêu cầu trong CPTPP, nhà cung cấp dịch vụ Internet sẽ bị phạt tiền nếu không thực hiện nghĩa vụ này, chủ sở hữu quyền thông báo sai lệch/gian lận cho nhà cung cấp dịch vụ Internet cũng sẽ bị phạt tiền. Tuy nhiên, Việt Nam sẽ chỉ phải thực hiện các nghĩa vụ này sau 3 năm kể từ ngày CPTPP có hiệu lực.

- *Về chương trình phần mềm mà Chính phủ sử dụng:* CPTPP có một điều khoản riêng về việc sử dụng các chương trình phần mềm máy tính của Chính phủ, theo đó các nước phải ban hành và thực thi các quy định pháp luật bắt buộc các cơ quan Nhà nước ở trung ương chỉ sử dụng phần mềm máy tính không vi phạm bản quyền và phải sử dụng theo cách thức được phép.